



Acetylcysteine: 200 mg	Acetylcysteine: 200 mg	Acetylcysteine: 200 mg	Acetylcysteine: 200 mg
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	Manufactured by: VCP., JSC	Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	Manufactured by: VCP., JSC
MUCITYL	MUCITYL	MUCITYL	MUCITYL
Acetylcysteine: 200 mg	Acetylcysteine: 200 mg	Acetylcysteine: 200 mg	Acetylcysteine: 200 mg
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	Manufactured by: VCP., JSC	Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	Manufactured by: VCP., JSC
MUCITYL	MUCITYL	MUCITYL	MUCITYL
Acetylcysteine: 200 mg	Acetylcysteine: 200 mg	Acetylcysteine: 200 mg	Acetylcysteine: 200 mg
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	Manufactured by: VCP., JSC	Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM	Manufactured by: VCP., JSC
MUCITYL	MUCITYL	MUCITYL	MUCITYL
Acetylcysteine: 200 mg	Acetylcysteine: 200 mg	Acetylcysteine: 200 mg	Acetylcysteine: 200 mg

HD:
Số lô SX:
T



MUCITYL

MUCITYL

Acetylcysteine: 200 mg



Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng

Thành phần/ Composition:

Mỗi viên nang cứng chứa/ Each Capsule contains:

Acetylcysteine: 200 mg

Tá dược vừa đủ/ Excipients q.s.f 1 viên/ 1 Capsule

Để xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng/ Keep out of reach of children. Carefully read the accompanying instructions before use.

Sản xuất tại/ Manufactured by:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM/ VIETNAM CHEMICO PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY.

Địa chỉ: Số 192 Đức Giang, P. Thượng Thanh, Q. Long Biên, TP. Hà Nội, Việt Nam/ Address: No. 192 Duc Giang street, Thuong Thanh Ward, Long Bien district, Ha Noi city, Vietnam.

MUCITYL

Acetylcysteine: 200 mg



Box of 3 Blisters x 10 Capsules

MUCITYL

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác/ Indications, administration, contraindications and other information:

Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo/ See the enclosed leaflet.

Tiêu chuẩn chất lượng / Specifications:

ĐDVN V/ VP V

Điều kiện bảo quản/ Storage:

Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C/ Store in a dry place, below 30°C.

SĐK (Reg. No.):

Số lô SX (Lot. No):

NSX (Mfg. Date):

HD (Exp. Date):



MUCITYL

MUCITYL

Acetylcysteine: 200 mg



Hộp 6 vỉ x 10 viên nang cứng

Thành phần/ Composition:

Mỗi viên nang cứng chứa/ Each Capsule contains:

Acetylcysteine: 200 mg

Tá dược vừa đủ/ Excipients q.s.f 1 viên/ 1 Capsule

Đề xa tầm tay trẻ em. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng/ Keep out of reach of children. Carefully read the accompanying instructions before use.

Sản xuất tại/ Manufactured by:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA DƯỢC VIỆT NAM/ VIETNAM CHEMICO PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY.

Địa chỉ: Số 192 Đức Giang, P. Thượng Thanh, Q. Long Biên, TP. Hà Nội, Việt Nam/ Address: No. 192 Duc Giang street, Thuong Thanh Ward, Long Bien district, Ha Noi city, Vietnam.

MUCITYL

Acetylcysteine: 200 mg



Box of 6 Blisters x 10 Capsules

MUCITYL

Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định và các thông tin khác/ Indications, administration, contraindications and other information:

Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo/ See the enclosed leaflet.

Tiêu chuẩn chất lượng / Specifications:

ĐD/VN V/ VP V

Điều kiện bảo quản/ Storage:

Nơi khô, nhiệt độ dưới 30°C/ Store in a dry place, below 30°C.

SĐK (Reg. No.):

Số lô SX (Lot. No):

NSX (Mfg. Date):

HD (Exp. Date):

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

MUCITYL

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng



Thành phần

Thành phần dược chất: Acetylcystein.....200,0 mg

Thành phần tá dược: Tinh bột sắn, Avicel PH 101, PVP K30, talc, magnesi stearat, ethanol 96% (dung môi bay hơi), nang cứng số 2 vừa đủ 1 viên.

Dạng bào chế: Viên nang cứng

Viên nang cứng số 2 (màu xanh) bên trong chứa cốm thuốc màu trắng

Chỉ định

Tiêu chất nhầy trong bệnh hen hô hấp có đờm nhầy quánh như trong viêm phế quản cấp và mạn tính.

Liều lượng và cách dùng

Dùng đường uống cho người lớn và trẻ em trên 2 tuổi.

Trẻ em từ 2 đến 7 tuổi: Uống 1 viên/lần x 2 lần/ngày.

Người lớn và trẻ em ≥ 7 tuổi: Uống 1 viên/lần x 3 lần/ngày.

Chống chỉ định

- Quá mẫn với acetylcystein hoặc các chất tương tự về mặt hóa học khác (ví dụ như carbocistein, erdostein hoặc mecystein) hoặc với bất kỳ tá dược nào của thuốc.
- Trẻ em dưới 2 tuổi.
- Tiền sử hen (nguy cơ phản ứng co thắt phế quản với tất cả các dạng thuốc chứa acetylcystein).

Cảnh báo và thận trọng

- Ho là yếu tố cơ bản để bảo vệ phế quản-phổi nên cần phải tôn trọng
- Phải giám sát chặt chẽ bệnh nhân có nguy cơ phát hen nếu dùng acetylcystein cho người có tiền sử dị ứng
- Khi điều trị với acetylcystein có thể xuất hiện nhiều đờm loãng ở phế quản, cần phải hút để lấy ra nếu người bệnh giảm khả năng ho.
- Nguy cơ sốc phản vệ sau khi dùng thuốc.



- Cần thận trọng khi sử dụng ở những bệnh nhân bị loét dạ dày-tá tràng. Nôn và buồn nôn do thuốc có thể làm tăng nguy cơ xuất huyết tiêu hóa trên bệnh nhân đã có bệnh lý này từ trước, và bởi vì nguy cơ về mặt lý thuyết là các chất tiêu nhầy có thể làm tổn thương hàng rào niêm mạc dạ dày.

- Suy gan: Độ thanh thải toàn phần của acetylcystein trên bệnh nhân bị xơ gan suy giảm đáng kể và nửa đời thải trừ gần như gấp đôi so với nhóm chứng khỏe mạnh. Hiện không có thông tin xác định liều tối ưu trên những đối tượng này.

- Acetylcystein có thể gây sai lệch kết quả xét nghiệm xác định salicylate máu.

Tương tác và tương kỵ của thuốc

- Việc phối hợp một thuốc long đàm, tiêu nhầy với các thuốc trị ho không có hoặc có làm giảm bài tiết phế quản (tác dụng giống atropin) là không hợp lý, bởi vì giảm phản xạ ho có thể dẫn đến tích tụ dịch tiết phế quản.

- Than hoạt tính có thể làm giảm tác dụng của acetylcystein.

- Thử nghiệm *in vitro* khi pha trộn kháng sinh cephalosporin và acetylcystein, cho thấy có một lượng kháng sinh bị bất hoạt. Lưu ý khi sử dụng, nên dùng kháng sinh uống ít nhất 2 giờ trước hoặc sau khi uống acetylcystein.

- Việc sử dụng đồng thời nitroglycerin và acetylcystein gây hạ huyết áp đáng kể và dẫn đến giãn mạch tạm thời và có thể gây nhức đầu.

- Acetylcystein là một chất khử nên tương kỵ hóa học với chất oxy-hóa. Acetylcystein cũng tương kỵ với một số kim loại như sắt, đồng và cao su, trypsin, chymotrypsin. Cần tránh thuốc tiếp xúc với các chất đó.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và đang cho con bú

Phụ nữ có thai

Các kết quả nghiên cứu trên động vật thí nghiệm cho thấy rõ thuốc không gây quái thai, tuy nhiên các dữ liệu này không cho phép suy rộng ra trên người. Acetylcystein đi qua hàng rào nhau thai và được phát hiện trong máu cuống rốn. Như một biện pháp thận trọng, nên tránh sử dụng acetylcystein trong thời kỳ mang thai.

Phụ nữ đang cho con bú

Hiện không có thông tin liên quan đến sự bài thuốc trong sữa mẹ, tránh dùng trong lúc nuôi con bằng sữa mẹ do chưa có dữ liệu.

Trong trường hợp thật cần thiết sử dụng hãy cân nhắc đến lợi ích của người mẹ và nguy cơ có thể có đối với thai nhi và trẻ được nuôi bằng sữa mẹ.

Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc

Thuốc không gây ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Tác dụng không mong muốn

Tuy hiếm gặp co thắt phế quản rõ ràng trong lâm sàng do acetylcystein nhưng vẫn có thể xảy ra với tất cả các dạng thuốc chứa acetylcystein.

Ít gặp: $1/1000 < ADR < 1/100$

Miễn dịch: Tăng mẫn cảm

Tiêu hóa: Buồn nôn, nôn, tiêu chảy, viêm miệng, đau bụng

Tim mạch: Đỏ bừng, phù, tim đập nhanh, hạ huyết áp

Thần kinh: Nhức đầu, ù tai

Hô hấp: Chảy nước mũi nhiều, ran ngáy

Da: Phát ban, mề đay, phù mạch, ngứa

Toàn thân: Sốt

Hiếm gặp, $ADR < 1/1000$:

Tiêu hóa: Khó tiêu

Hô hấp: Co thắt phế quản, khó thở

Toàn thân: Phản ứng dạng phản vệ toàn thân, rét run.

Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ các tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Quá liều và cách xử trí

Liều dùng acetylcystein có khoảng an toàn khá rộng, tuy nhiên, quá liều có thể gặp khi dùng đường tiêm hoặc đường uống liều cao khi điều trị ngộ độc paracetamol. Triệu chứng quá liều thường khá nặng: tụt huyết áp, ức chế hô hấp, co thắt phế quản, tán huyết, đông máu nội mạch rải rác và suy thận. Ngoài ra có thể có rối loạn tiêu hóa như buồn nôn, nôn, tiêu chảy.

Một số triệu chứng này còn có thể do ngộ độc paracetamol gây ra.

Xử lý: Điều trị quá liều bằng cách điều trị triệu chứng và chăm sóc nâng đỡ

Dược lực học

Nhóm dược lý: tiêu chất nhầy, mã ATC: R05CB01

N-acetyl-L-cysteine (NAC), là một chất làm long đờm, tiêu nhầy. Thuốc có tác dụng tiêu chất nhầy do có nhóm thiol (-SH) tự do làm giảm độ quánh của đờm ở phổi có mủ hoặc không, bằng cách tách đôi cầu nối disulfua trong mucoprotein và tạo thuận lợi để tống đờm ra ngoài bằng ho, dẫn lưu tư thế hoặc bằng phương pháp cơ học. Ngoài ra, acetylcystein còn có tác dụng chống oxy hóa trực tiếp, do có nhóm thiol tự do có thể tương tác trực tiếp với các nhóm ưa điện tích của các gốc tự do oxy-hóa.

Dược động học

Sự hấp thu

Sau một liều uống từ 200 mg đến 600 mg, acetylcystein được hấp thu nhanh chóng và đạt nồng độ đỉnh sau 30 phút đến 1 giờ. Trong thời gian hấp thu, acetylcystein được chuyển hóa thành cysteine (chất chuyển hóa có hoạt tính dược lý), chất này mang nhóm thiol có đặc tính chống oxy hóa và cũng là tiền chất để trực tiếp tạo ra glutathione-là một chất chống oxy hóa nội sinh chủ yếu trong cơ thể người. Sinh khả dụng khi uống thấp và có thể do chuyển hóa trong thành ruột và chuyển hóa bước đầu trong gan. Thể tích phân bố là 0,47 lít/kg, tỷ lệ liên kết với protein huyết tương là 83%. Độ thanh thải thận có thể chiếm 30% độ thanh thải toàn thân.

Quy cách đóng gói: Hộp 3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên (vỉ nhôm/nhôm).

Tiêu chuẩn chất lượng: ĐĐVN V

Bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C

Hạn sử dụng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

Nhà sản xuất: Công ty CP Hóa Dược Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: 273 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ nhà máy sản xuất: Số 192 Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam